

Christopher E. Goscha

Tái cấu trúc các mối quan hệ thời kỳ thuộc địa: Quan hệ liên Á ở Đông Dương thuộc Pháp giai đoạn giữa 2 cuộc thế chiến
Đông Hiến dịch

Giới thiệu

Hiếm khi các công trình nghiên cứu về quốc tế học, lịch sử thực dân và nghiên cứu Đông Nam Á (tuy có nhiều hơn các chuyên ngành khác) đề cập đến những mối liên hệ giữa các cộng đồng bản xứ ở châu Á trong thời kỳ thực dân.

Các nhà nghiên cứu lịch sử thuộc địa và hậu thuộc địa thường chú trọng vào mối quan hệ lưỡng cực giữa một bên là thực dân Tây phương – bên cai trị, và bên kia là những người bản xứ - bên bị cai trị.

Các chuyên gia về quan hệ quốc tế hiển nhiên là quan tâm hơn đến các quốc gia có chủ quyền trong giai đoạn đó, như nhà nước Đông Dương thuộc Pháp hay Ấn Độ thuộc Hà Lan, hơn là những nhóm người bản xứ không có chính quyền cấp quốc gia.

Ngoại trừ những công trình tương tự như của Erez Manela và Elaine Patterson, về bên kia của câu chuyện, từ phía châu Á, thường chỉ được mở ra từ khi làn sóng giải phóng thuộc địa khởi phát từ năm 1945.

Mặc dù các sử gia về Đông Nam Á đã chú trọng tới sự hình thành và phát triển của các phong trào giải phóng dân tộc và các nhóm gốc Á khác nhau cùng sống trong xã hội thuộc địa, chúng ta vẫn còn biết quá ít về những vấn đề như những cộng đồng người Việt và người Trung Quốc, hay người Miến Điện và Ấn Độ đã đối đãi với nhau như thế nào trong thời kỳ thực dân – cả ở trong và bên ngoài các quốc gia thuộc địa.

Thế nhưng, tôi vẫn cho rằng những mâu thuẫn trong thời kỳ thực dân đã tạo động lực hình thành một mạng lưới quan hệ liên Á hoàn toàn mới giữa các nước thuộc địa. Chính điều đó đã tác động trực tiếp đến tính chất của "quan hệ thuộc địa" lúc bấy giờ và sự hình thành các quốc gia hậu thuộc địa sau kể từ năm 1945.

Để làm rõ ý này, tôi xin tập trung phân tích nội tình các quốc gia Đông Dương thuộc Pháp qua hai ví dụ cụ thể: 1) sự kiện tẩy chay kinh tế đối với Hoa Kiều ở Việt Nam từ 1919 đến 1922; và 2) cuộc tranh luận lý thú giữa những người Việt Nam, Cam Bốt và Pháp về tính khả thi của một số quy định pháp lý thực dân vào thập niên 1930.

Trong phần kết luận, tôi sẽ trình bày ý kiến của mình về những lĩnh vực ít tính đối kháng hơn trong quan hệ giữa những người bản xứ, như quan hệ hôn nhân dị chủng giữa những người châu Á, thể thao và sự gặp gỡ các thuộc địa khác.

Để nghiên cứu những mối quan hệ này, tôi chủ yếu khai thác 3 loại tư liệu: 1) những ghi chép về du ký của người Việt; 2) số lượng lớn các biên khảo, nghị luận, thư gửi ban biên tập và hý họa chính trị; và cuối cùng là 3) lưu trữ về thuộc địa ở Pháp.

Các tập du ký cung cấp những thông tin thú vị về giao lưu giữa người Việt với các sắc dân châu Á khác, với bên thực dân, và hé mở về sự thay đổi tư duy cũng như thế giới quan của các tác giả. Tuy chất lượng

có khác nhau, nhưng riêng tôi đã nhận diện được tới khoảng 100 ghi chép về các chuyến đi, trên khắp vùng Đông Dương và phần lớn châu Á, sang tới phương Tây và Liên xô.

Báo chí Đông Dương cũng là một nguồn tư liệu không kém phần phong phú để nghiên cứu về giao lưu giữa những người dân thuộc địa, với các bài báo về quan hệ giữa người Việt với thương gia Ấn Độ, các hình ảnh và bài viết về các trận đấu thể thao giữa những người Trung Quốc, Việt Nam, Pháp và Lào, các cuộc hôn nhân có cô dâu chú rể là người thuộc hai chủng tộc châu Á khác nhau. Thậm chí, còn có cả các bài bút chiến về thuyết chủng tộc Âu châu. Các nhật báo cũng tái hiện một diễn đàn mở, trong đó những nhóm người bản xứ trao đổi với nhau và với người "cai trị". Sau cùng, các văn khố lưu trữ về thuộc địa của Pháp là một mỏ vàng thông tin về tất cả các vấn đề nói trên. Nói như thế, nhưng đến nay tôi vẫn đang cố tìm lại các lưu trữ về toà án thuộc địa, mà trong đó chắc hẳn phải có những thông tin về xung đột sắc tộc, tranh chấp tài sản, luật ly hôn và các vụ tranh cãi về quốc tịch. Cả ba nguồn tư liệu đó đã cho tôi thấy các khía cạnh khác nhau về sự kiện tẩy chay Hoa Kiều mà tôi sẽ đề cập ở phần tiếp theo đây.

I. Dựa vào yếu tố "nội địa": Người Việt tẩy chay người Hoa

Các quốc gia thuộc địa ở Đông Nam Á khi hình thành đương nhiên bao gồm các cộng đồng châu Á đa chủng tộc. Trong quá trình đó, tính chất của các quan hệ xã hội vốn có đã bị thay đổi. Khắp vùng Đông Nam Á, chính quyền thực dân thúc đẩy những đợt sóng di cư vốn đã xuất hiện từ trước của người Việt, người Hoa và người Ấn, một mặt để có nguồn nhân lực cho các hoạt động kinh tế và quản lý thuộc địa, mặt khác để có thành phần trung gian thương mại giữa dân cư bản xứ với chính quyền thực dân. Hàng trăm ngàn người Trung Quốc bị đưa đi làm công ở các nhà máy và đồn điền suốt từ Đông Dương thuộc Pháp đến Malaysia thuộc Anh, đồng thời hàng chục ngàn người Ấn Độ và Việt Nam đến cạo giấy tại các công sở thuộc địa ở Miến Điện và Tây Đông Dương (Lào, Cam Bốt).

Để thúc đẩy quá trình khai thác thuộc địa, chính quyền thực dân đã trao những đặc quyền kinh tế và tạo ra những phạm trù pháp lý mới cho người Hoa, Ấn và Việt, làm thay đổi những mối quan hệ giữa các nhóm này như trong ví dụ thứ hai mà tôi sẽ nêu. Đồng thời, chủ nghĩa thực dân khuyến khích sự phát triển của các nhóm thượng lưu mới ở đô thị, có tham vọng nắm giữ một vai trò riêng trong guồng máy kinh doanh thương mại.

Những thực tế nói trên đã tạo nên bối cảnh cho sự kiện tẩy chay. Các dấu hiệu căng thẳng trong quan hệ Trung-Việt đã xuất hiện từ sau Thế chiến thứ nhất, khi các nhà tư sản Việt Nam mới nổi muốn đột phá vào các lĩnh vực vốn do người Hoa thống trị từ trước đến giờ, như ngân hàng, ngoại thương và kinh doanh gạo. Xu hướng này thể hiện rõ nhất ở Nam Kỳ, nơi số lượng Hoa Kiều và các hoạt động kinh tế của họ luôn lớn nhất cả nước.



Quầy bán thuốc bắc ở Chợ Lớn



Chợ Lớn cũ

Đến thời điểm đó, các nhà tư sản người Việt ở Nam Kỳ tự cho rằng họ đã có đủ phương tiện tài chính, báo chí và quan hệ với chính quyền thực dân để đối đầu với các doanh nhân người Hoa.

Kể từ cuối năm 1918, các nhà lãnh đạo thân Pháp của Đảng Lập hiến Việt Nam và các tờ báo Nam Kỳ bắt đầu cho đăng các bài viết kêu gọi "giải phóng" nền kinh tế Việt Nam, theo gương cuộc tẩy chay của người Trung Quốc đối với Nhật Bản được phát động trước đó ít lâu.

Và họ chỉ cần một lý do để phát động cuộc tẩy chay. Thời cơ đó đã đến vào một ngày tháng Tám năm 1919, khi hai cửa hiệu cà phê của người Hoa ở trung tâm Sài Gòn tăng giá bán mỗi ly cà phê thêm 1 xu. Khách hàng của hai tiệm này, chủ yếu là công chức người Việt, giận dữ phản đối. Các biên tập viên, doanh nhân và chính trị gia người Việt nắm ngay lấy sự kiện này để kêu gọi người Việt đồng loạt tẩy chay toàn bộ hàng hoá của người Hoa.

Đến cuối tháng đó, báo chí đã biến một sự kiện nhỏ lẻ thành một cuộc thánh chiến quyết liệt chống lại sự "đe nén" bấy lâu của người Hoa đối với nền kinh tế Việt Nam, thực ra là với cả dân tộc Việt Nam. Báo chí tiếng Trung cũng đáp trả với giọng điệu tương ứng, nhấn mạnh là người Hoa luôn có vai trò mang lại "văn minh và vốn liếng" đến cho Việt Nam.

Chẳng mấy chốc, những định kiến tồi tệ nhất từ cả hai phía được tung ra theo kiểu "hòn bắc ném đi hòn chì ném lại". Suốt hai năm, báo chí Việt Nam tràn ngập những lời bàn về "tham vọng Trung Hoa", trong khi văn giới Trung Quốc chì chiết về "sự vô ơn" của người Việt.

Tôi không muốn bị hút vào những tiểu tiết. Điều khiến tôi quan tâm ở đây là những trao đổi "ăn miếng trả miếng" này đã bộc lộ những xung đột mới trong quan hệ Trung-Việt và cho thấy một biên độ rộng lớn hơn trong quan hệ giữa các nhóm dân bản xứ.

Vì một lẽ, chính người Hoa – chứ không phải thực dân Pháp – đã trở thành một động lực quan trọng kích thích chủ nghĩa dân tộc đối với các nhà tư sản Việt Nam, hay ít nhất cũng là một yếu tố ngoại lai cần thiết. Những nhà dân tộc chủ nghĩa Việt Nam không chỉ quyết tâm đối đầu với người Hoa trên mặt trận kinh tế, mà họ còn nhất trí rằng nếu muốn thành công phải tự thay đổi chính mình.

Các tác giả Nam Kỳ kêu gọi đồng bào mình hợp nhất lại để đoàn kết dân tộc. "Tổ chức", "thống nhất" và "đoàn kết" trở thành những từ cửa miệng của những nhà tư sản dân tộc từ Bắc đến Nam. Ý của những từ này là thành lập những tổ chức mới, hiệp hội thương mại, thậm chí một Phòng Thương mại (như người Trung Quốc đã làm từ năm 1910) để tập hợp các doanh nhân Việt Nam lại với nhau.

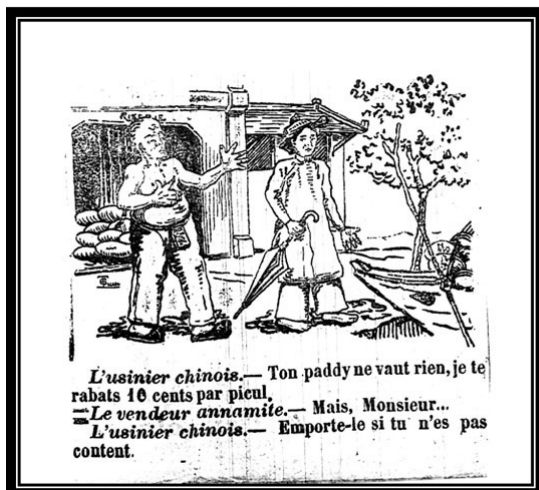
Đó cũng là vấn đề dân tộc, y như trường hợp các nhà tư sản dân tộc Trung Quốc đối đầu với người Nhật. Một nhà dân tộc chủ nghĩa nổi tiếng thời kỳ này đã phát biểu, "Trước mỗi họa (Trung Quốc) này, chả lẽ chúng ta, những người Nam Kỳ và Bắc Kỳ, đều là con dân An Nam, lại không thấy có sự thống nhất ư?"

Không phải ngẫu nhiên mà ngân hàng đầu tiên của người Việt ra đời năm 1919 – chính là trong bối cảnh quan hệ với người Hoa nói trên, chứ không phải với thực dân Pháp. Ngân hàng này tài trợ những hoạt động tuyên truyền chủ nghĩa dân tộc và hỗ trợ thương mại người Việt qua việc tích trữ vốn đầu tư. Giữa hai cộng đồng Việt-Hoa này, trong thời kỳ thực dân, đã có rất nhiều chuyện xảy ra.

Thứ hai là, dù đối tượng chính là người Trung Quốc, nhưng người Pháp cũng tham gia vào mối quan hệ này. Ở tầng lớp dưới, các thương gia người Pháp, phóng viên, thậm chí những người Pháp nghèo thường về phe với người Việt trong cuộc đụng độ này, chia sẻ sự tức giận của người Việt vì cảm thấy "bị chèn ép".

Ở cấp cao, Toàn quyền Pháp ở Đông Dương đã gặp gỡ những nhân vật thượng lưu Việt Nam đang bức bối và hứa với họ là chính quyền sẽ hỗ trợ phát triển thương mại của người Việt. Người Pháp thành lập những trường thương mại để giúp đào tạo những doanh nhân trẻ người Việt và những doanh gia thượng lưu trong tương lai. Dù nói vẫn dễ hơn làm, sự tham gia của phía thực dân vào cuộc tranh chấp cho thấy quan hệ giữa thực dân Pháp và người Việt bản xứ không phải bao giờ cũng mang tính đối đầu. Và, tại thời điểm 1919, một số thương gia Pháp lại về phe người Hoa. Đồng minh có thể thay đổi tùy theo quyền lợi. Quan hệ ở thuộc địa là mối quan hệ linh hoạt, không phải cố định.

Ba là, những va chạm giữa người Hoa và người Việt trong giai đoạn này cho chúng ta một cái nhìn tổng quan về quan niệm cố hữu của người Việt về người Hoa đã được tái thể hiện một cách định kiến, thường mang tính phân biệt chủng tộc và được lan truyền rộng rãi chưa từng thấy. Nhờ phương tiện báo chí hiện đại, các hý họa chế giễu các thương gia Hoa Kiêu "tham lam" và "hợm hĩnh" được đăng tải trên trang nhất các tờ báo Nam Kỳ. Những người Hoa ăn mặc lỗ lã bị coi là những kẻ lấy tranh mất "phụ nữ Việt Nam" và làm giàu trên xương máu, mồ hôi và nước mắt của những người nông dân bị bóc lột. Những từ lóng khinh miệt kiểu như "chệc" ngày càng trở nên phổ biến.



Tất nhiên, không chỉ ở Việt Nam thuộc Pháp mới có tư tưởng bài Hoa. Một vị vua Thái Lan đương thời đã gọi người Hoa là "bọn Do Thái phương Đông". Đứng là tư tưởng và các hành động bài Hoa đã từng tồn tại trước khi người Pháp tới vùng này, nhưng chính nhờ có báo chí hiện đại, phong trào tẩy chay và các hý họa tuyên truyền đã đẩy nhanh hơn quá trình "ly gián" và nhiều khi bôi nhọ người Hoa. Thay vì được coi là một thành phần dân tộc có nhiều tiềm năng, có thể đóng góp vào công cuộc hiện đại hoá và làm

giàu cho Việt Nam, Hoa Kiều ở Đông Dương lại bị định kiến là một cộng đồng tách biệt, yếu tố "ngoại lai" cần thiết để làm nổi bật căn cước dân tộc thuần Việt đặc trưng. Trong phần kết luận tôi sẽ phân tích vấn đề này sâu hơn.

Sau cùng, những người tổ chức phong trào tẩy chay tố cáo rằng những người Hoa sống trong những cộng đồng khép kín, và không có dân tộc tính của người Việt – dù đó là một khái niệm mơ hồ. Một nhà dân tộc chủ nghĩa Việt Nam đã phát biểu: "Chính những cộng đồng Hoa Kiều, với cách hình thành và sinh hoạt khép kín của mình, đã làm phát sinh vấn đề. Cái kiểu tổ chức xã hội này, nói cách khác là tạo ra những tiểu quốc gia bên trong một quốc gia, là nguồn gốc của những sai lầm mà chính chúng ta, những người bản xứ, đang phải trả giá. [...]".

Trong cuốn du ký của một chuyến đi đến biên giới Trung Quốc vào năm 1922, vị thủ hiến tương lai của Việt Nam, Trần Trọng Kim đã kêu gọi người Pháp đồng hoá người Hoa bằng cách đặt ra một quốc tịch Việt Nam mở rộng. Điều này không bao giờ xảy ra. Tuy nhiên, vấn đề xung đột pháp lý này đã đưa tôi đến một phương pháp nghiên cứu mới để tìm hiểu về những mâu thuẫn luôn thay đổi trong quan hệ ở các thuộc địa, chủ đề của phần thứ hai mà tôi sẽ bàn dưới đây.

II. Cũng dựa vào yếu tố "nội địa": Xung đột pháp lý thuộc địa ở Cam Bốt

Nếu người Việt từng ân hận đã không biến Hoa Kiều thành người Việt được, thì chỉ một thập niên sau, rất nhiều người trong số đó phải đấu tranh quyết liệt trước nỗ lực của người Cam Bốt nhằm hạn chế số lượng di dân Việt Nam bằng cách trục xuất hoặc đồng hoá họ thành người Cam Bốt. Trong những năm 1930, giới thượng lưu Việt Nam, Cam Bốt và Pháp bị cuốn vào một cuộc đối thoại khá hấp dẫn, chủ yếu xoay quanh hai vấn đề chính: 1) quyền pháp lý của phía Cam Bốt muốn đồng hoá người Việt thành công dân Cam Bốt, và 2) nỗ lực của người Việt chống lại xu hướng này bằng cách vận động cho một khái niệm quốc tịch thuộc địa mở rộng, bao trùm toàn bộ vùng thuộc địa Đông Dương. Một quốc tịch Đông Dương sẽ cho phép người Việt sinh sống, làm việc và đi lại trên toàn cõi Đông Dương mà không chịu sự kiểm soát pháp lý của Lào và Cam Bốt.

Qua đây, chúng ta có thể thấy nền pháp luật thuộc địa đã tác động trực tiếp đến các mối quan hệ sẵn có ở châu Á, tạo nên các hậu quả đáng lưu ý trong thời kỳ hậu thuộc địa. Một là, vấn đề quyền công dân/quốc tịch hiện đại được đặt ra lần đầu tiên trong thời kỳ thuộc địa chứ không phải vào năm 1945. Xin lưu ý rằng, những nhà dân tộc chủ nghĩa ở Cam Bốt thuộc địa đang vận động cho một loại quốc tịch Cam Bốt riêng (tách khỏi khối Đông Dương) chưa hẳn là mâu thuẫn với người Việt về văn hoá bản địa hay chủng tộc. Thực ra, họ đều là những người ủng hộ một ý tưởng của phe Cộng hoà về đồng hoá triệt để, căn cứ theo nơi sinh. Những người gốc Việt sinh ra ở Cam Bốt nên và cần được "Khơ-me hoá" bằng giáo dục, ngôn ngữ và mang quốc tịch Cam Bốt thuộc địa.

Dù trước đó một thập niên, người Việt đã khát khao đồng hoá người Hoa bằng một loại quốc tịch Việt Nam, trong xung đột với các nhà dân tộc chủ nghĩa Cam Bốt, người Việt đã ứng phó bằng cách vận động cho một loại quốc tịch Đông Dương căn cứ theo mô hình thuộc địa, một khái niệm chưa từng tồn tại trước khi người Pháp đặt chân đến xứ này. Thay vì làm người Việt hay người Cam Bốt, họ kêu gọi, tất cả mọi người hãy trở thành "người Đông Dương".

Điều này dẫn tôi tới vấn đề liên quan tiếp theo: chọn lựa vùng lãnh thổ. Vào năm 1930, rất ít, thậm chí có thể không có, người Cam Bốt nào với tư tưởng dân tộc chủ nghĩa lại sẵn sàng cho mình là công dân Đông Dương như người Việt và người Pháp đề xướng. Vùng lãnh thổ của họ là Vương quốc Cam Bốt, chứ không phải Đông Dương thuộc Pháp. Như một nhà dân tộc chủ nghĩa Cam Bốt đã lập luận với người Pháp:

Cái gọi là Liên minh Đông Dương, mà thực chất là sự thôn tính Cam Bốt của người An Nam, sẽ gây tổn hại đến tương lai dân tộc chúng tôi. Nếu đất An Nam và vương quốc Cam Bốt thuộc sự cai trị của hai nước khác nhau, ví như họ thuộc Hoà Lan còn chúng tôi thuộc Pháp, thì biên

cương phía Đông của chúng tôi còn giữ được, và người An Nam đã không thể tràn sang tự do mà không cần phải làm các thủ tục nhập cảnh phức tạp. Tôi vốn có lòng tin vững chắc rằng người Pháp rộng lượng sẽ không để tình cảnh này tiếp diễn lâu nữa trên đất Cam Bốt, điều mà họ sẽ không bao giờ cho phép xảy ra trên đất Pháp. Nếu không, thì (người Pháp) sẽ phải chịu trách nhiệm trước Lịch sử. Người cầm quyền phải đặt mình vào hoàn cảnh người dân chúng tôi khi cai trị. Họ phải làm thế nào để Khơ-me hoá những người Á châu không có gốc Khơ-me hiện đang sinh sống ở đây, tức là khoảng một phần ba dân số. Ngăn gọn là người Pháp nên cho chúng tôi, ít nhất là về hình thức, một nhà nước dân tộc.

Vấn đề là ở chỗ, nhà nước thuộc địa Đông Dương, về mặt hành chính, bao trùm toàn bộ lãnh thổ Đông Dương; Cam Bốt chỉ là một địa danh thuộc lãnh thổ đó mà thôi. Tuy nhiên, với một cú xoay chuyển ngoạn mục, một số người Cam Bốt đề xướng một giải pháp mà họ đã tìm được ngay trong vùng thuộc địa Đông Nam Á. Họ yêu cầu người Pháp tách Cam Bốt khỏi xứ Đông Dương thuộc Pháp và thành lập một thuộc địa riêng, như người Anh đã làm ở Ấn Độ khi họ hình thành một thuộc địa Miến Điện riêng rẽ (một phần là vì thái độ thù nghịch của người Miến đối với số người Ấn Độ làm việc trong chính quyền thuộc địa ngày một tăng). Cam Bốt, cũng như Miến Điện, vẫn là một thuộc địa của Pháp, nhưng sẽ có chủ quyền quốc gia riêng để chuyển hoá người Việt thành "người Cam Bốt". Qua đó, ta thấy tình hình thuộc địa Đông Dương đã có sẵn nhiều rồi ren trước khi Nhật Bản chiếm trọn vùng Đông Dương năm 1945. Và vào năm 1946, giới trí thức Cam Bốt trực tiếp phản đối với người Pháp về vấn đề quốc tịch trong một cuộc đàm phán được tổ chức với kế hoạch tái tạo Liên minh Đông Dương hướng tới việc áp dụng một loại quốc tịch Đông Dương tương ứng.

Như trong vụ mâu thuẫn Hoa-Việt, người của chính quyền thực dân cũng can dự vào vụ này. Ông Marinetti, đại diện cho Cam Bốt trong Bộ Thuộc địa, người tự cho mình là "Khơ-me hơn cả người Khơ-me" phản đối những đề xuất mang tính "ly khai chủ nghĩa" của người Cam Bốt. Ông ta cho rằng người Anh có thể tách Miến Điện khỏi thuộc địa Ấn, nhưng không đời nào người Pháp sẽ làm chuyện tương tự. Dù có phải là thuộc địa Pháp hay không, cũng đừng nghĩ tới chuyện ly khai. Thống sứ Cam Bốt cũng vào hòa với quan điểm này. Nhưng người Cam Bốt thì không tâm phục khẩu phục. Một người phát ngôn Khơ-me công khai phê phán ông chuyên gia Pháp này, và phát biểu rằng nếu thực sự Marinetti "Khơ-me hơn cả người Khơ-me" thì đương nhiên phải bảo vệ lợi ích Cam Bốt. Giới văn bút Cam Bốt kêu gọi những người đại diện cho Cam Bốt ở Pháp phải ủng hộ nguyện vọng của dân tộc Khơ-me nếu không thì nên từ chức cho rồi.

Ông Marinetti tình ngộ trước lời biện luận của những nhà dân tộc chủ nghĩa Khơ-me, và lật ngược quan điểm của mình. Năm 1938, ông ta gửi một báo cáo đến Bộ Thuộc địa, trình bày rằng người Pháp nên đáp ứng nguyện vọng của tất cả mọi người dân Đông Dương, ngụ ý cả người Lào và Cam Bốt. Ông ta yêu cầu chính quyền nên dành riêng một số chức vụ cho người Khơ-me, thậm chí ông ta còn thuyết phục nên để cho Cam Bốt có quyền tự quyết cao hơn về chính trị và kinh tế trong khối Đông Dương. Ông ta kết luận rằng những đòi hỏi "hợp lý" này là cần thiết, và nếu không đáp ứng thì sẽ là một lỗi lầm không thể tha thứ được. Một lần nữa cho thấy quan hệ đồng minh giữa thực dân với thuộc địa vẫn có thể thay đổi.

Người Việt sững sốt. Phía Pháp bắt đầu có ý tưởng ngược lại với người Việt ngay trong chính quyền thực dân. Rất nhiều người Việt sợ rằng phía Pháp sẽ thực hiện những kiến nghị của Marinetti. Và điều đó đã xảy ra. Năm 1935, người Pháp thay đổi một điều luật quốc tịch, quy định người Việt sống thành nhóm cộng đồng ở Lào phải theo sự điều chỉnh của luật pháp Lào. Chính người Pháp đã đưa ra một tiền lệ đi ngược lại với ý định hình thành một quốc tịch chung trên cõi Đông Dương.

Cuối cùng, những diễn biến trên cho ta thấy tuy các quy định của chính quyền thực dân thường bị phản đối, chống đối và bất tuân, nhưng cũng có trường hợp được đón nhận, và ủng hộ, tùy theo vấn đề liên quan và địa bàn cư trú của người bản xứ. Những quy định, và các ý kiến tranh cãi xoay quanh các vấn đề đó cho chúng ta thấy rõ thêm về nhận thức của người thuộc địa về mối quan hệ của mình với những đại diện của thực dân và với những nhóm dân "châu Á" khác sinh sống trên cùng một xứ thuộc địa. Như trường hợp ở Việt Nam cho thấy, một mặt người ta có thể yêu cầu phải "Việt hoá" người Hoa, đồng thời

bảo vệ một tư cách công dân thuộc địa riêng cho người Việt ở Cam Bốt và vận động hình thành một loại quốc tịch Đông Dương hoàn toàn mới.

Kết luận: Kết nối những mối quan hệ ở thuộc địa theo những cách khác

Tôi muốn kết thúc bài viết này bằng cách gợi ra những hướng mới để chúng ta có thể kết nối, phân tích những mối quan hệ ở thuộc địa theo những hướng ít tính đối kháng, ít cực đoan hơn. Điều quan trọng là phải xem xét những lĩnh vực mà người Trung Quốc, Ấn Độ, Cam Bốt hay Pháp, ở mức độ cá nhân có thể tiếp xúc trực tiếp, hàng ngày một cách hoà bình. Tôi không thể không liên hệ tới một trong những tiểu thuyết ưa thích của mình về thuộc địa, là cuốn *Tường biển* của Marguerite Duras. Trong tiểu thuyết này, bà đã vẽ nên một bức tranh nhiều màu sắc về xã hội thuộc địa, dù chịu sự áp bức của chính quyền thực dân, nhưng vẫn là một xã hội với những người da trắng nghèo, trong đó có gia đình của bản thân tác giả, luôn sống, làm việc và chết bên cạnh những người Việt, Ấn và Hoa cùng chia sẻ một không gian thuộc địa. Họ nhiều khi về phe những người bản xứ phản đối lại sự áp bức của thực dân. Khi nhân vật chính Suzanne, sinh ra trong một gia đình nghèo ở vùng quê Cam Bốt, bắt đầu rời nhà đi du lịch Sài Gòn lần đầu tiên, cô ta đến ở khách sạn "Trung tâm", nằm ngay ở ranh giới giữa khu cư dân bản xứ với khu phố Pháp ở thành phố thuộc địa này. Amitav Ghosh cũng thể hiện những góc nhìn tương tự về xã hội thuộc địa ở Miến Điện trong tác phẩm *Nhà kính* qua câu chuyện của ba thế hệ trong cùng một gia đình gốc Ấn Độ.

Tóm lại, qua hai trường hợp cụ thể nói trên, tôi chỉ trình bày được một mặt của đồng xu. Không phải mối quan hệ nào cũng có tính đối kháng. Ví dụ, những cuộc hôn nhân của người Việt với người Hoa vẫn diễn ra bất chấp phong trào bài Hoa của người Việt đầu thập kỷ 1920 và quy định pháp lý phức tạp của chính quyền Pháp. Hàng ngàn người Việt đã kết hôn với Hoa Kiều. Riêng năm 1921, ở Đông Dương đã có 64.500 đứa trẻ ra đời từ những cuộc hôn phối dị chủng như thế. Một thập kỷ sau, con số đó đã tăng lên 73.000. Chúng ta còn biết quá ít về những quan hệ hôn phối này, cũng như con cháu của họ, chưa nói gì đến hoàn cảnh của những phụ nữ Việt làm lẽ hoặc tì thiếp cho người Hoa. Cũng có số đông những cặp vợ chồng người Việt lấy người Khơ-me, và rất nhiều người miền Nam Việt Nam vẫn nói được tiếng Khơ-me, và ngược lại. Nhà dân tộc chủ nghĩa nổi tiếng người Khơ-me, Dap Chhuon, đã từng có hai người vợ Việt một lúc. Cay-xôn Phôm-vi-hản, lãnh tụ cộng sản Lào, có mẹ người Lào và bố người Việt, nên nói thông thạo cả hai thứ tiếng. Trên các trang về nghệ thuật của báo chí Cam Bốt, có những bài tường thuật về những người Việt tham dự vào các hoạt động văn hoá Khơ-me, tất cả đều bằng tiếng Khơ-me.

Thể thao cũng là một lĩnh vực mà các mối quan hệ ở thuộc địa diễn ra một cách phức tạp. Đúng là báo chí địa phương và tàng thư của Pháp cho thấy có những sự kiện tồi tệ xảy ra khi các đội bóng đá Lào, Việt và Cam Bốt thi đấu với nhau ở sân cỏ dân tộc chủ nghĩa trên các sân cỏ tại Đông Dương. Các cổ động viên cũng bị hút theo. Năm 1936, ở Viêng-chăn, cổ động viên Lào ào vào sân rượt đuổi trọng tài người Việt, vì cho rằng ông này thiên vị đội bóng đồng hương của mình. Cảnh sát phải ra tay ngăn chặn vụ ẩu đả. Nhưng nếu nghiên cứu kỹ những tạp chí thể thao ở thuộc địa, chúng ta cũng phát hiện được trường hợp người Việt và người Hoa cùng chơi trong một đội quần vợt, rằng phóng viên thể thao Pháp thường ưu ái và ủng hộ cầu thủ và đội Việt Nam trong các trận thi đấu với đội Pháp; rằng chúng ta đã bỏ quên những trường hợp người bản xứ và người mẫu quốc cùng chơi chung trong một đội, nhất là ở những giải giao hữu hoặc địa phương. Thể thao có thể gây chia rẽ xã hội, nhưng cũng có thể đưa những dân tộc khác biệt lại gần với nhau. Một lần nữa, tôi muốn nhắc lại rằng quan hệ thuộc địa ở cấp thấp linh hoạt hơn chúng ta nghĩ nhiều. Những bữa chiêu đãi vận động viên thể thao ở thuộc địa có thể là bằng chứng cho thấy các vận động viên thể thao có thể ngồi lại với nhau bất chấp những rào cản chủng tộc.

Vì khuôn khổ của bài viết có hạn nên tôi không thể nói nhiều về các trường hợp bên ngoài xứ Đông Dương. Nhưng chúng ta cũng có thể nhớ lại rằng phong trào cộng sản và chống thực dân đã kết nối người châu Á trên toàn cầu. Hàng trăm thanh niên Việt Nam có tư tưởng chống thực dân đã sang Quảng Đông vào những năm giữa thập kỷ 1920 để học trong các trường chính trị và quân sự Trung Quốc; một số đã tham gia cuộc trường chinh cùng với Mao Trạch Đông tới Diên An, và một vị đã lên đến hàm tướng của cả hai quân đội cộng sản Trung Quốc và Việt Nam sau năm 1945. Ông ta có hai người vợ Trung

Quốc và hai người vợ Việt. Tôi biết nói gì đây? Châu Âu cũng là nơi kết nối những người chống thực dân. Tin tưởng vào bài phát biểu về quyền tự quyết của Wilson tại Hội nghị Versailles, Hồ Chí Minh kết bạn với những người đồng tư tưởng người Triều Tiên, Trung Quốc và Algeria ở Pháp trước khi mối quan hệ mới với mạng lưới cộng sản đưa ông ta tới Moscow. Dù tôi chia sẻ mối quan tâm của Manela về nguồn gốc quốc tế của phong trào chống thực dân, tôi chú trọng hơn đến phương cách các nhà dân tộc chủ nghĩa liên kết lại với nhau như thế nào hơn là đến "thời điểm bài nói của Wilson". Việc này diễn ra không chỉ ở Paris vào năm 1919, mà còn ở Tokyo ngay từ năm 1905 và sau này là ở Moscow vào năm 1925. Rất nhiều mối quan hệ trong thời kỳ thuộc địa này đã kéo theo những kết cục bất ngờ trong chính trường châu Á vào thời kỳ hậu thuộc địa, sau Thế chiến thứ hai. Sau cùng, Hồ Chí Minh đã thiết lập được tình bạn suốt đời với Chu Ân Lai từ Paris. Ông ta cũng đã gặp gỡ các nhà lãnh đạo tương lai của Philippines và Thái Lan là Carlos Romulo và Pridi Phanomyong, những người đã ủng hộ cuộc kháng chiến chống Pháp của Việt Nam sau năm 1945.

Một số người châu Á thuộc địa khác lại du hành xuyên biên giới các đế chế thực dân. Trong một chuyến đi thú vị, Bùi Quang Chiêu – một người đã công kích người Hoa và đòi áp dụng một quốc tịch Đông Dương để phản đối người Cam Bốt, đã tới Ấn Độ vào cuối thập kỷ 1920 để học hỏi về Quốc hội Ấn Độ và cấu trúc "dân chủ ở thuộc địa". Tại đây ông ta đã gặp gỡ và trao đổi với Nehru và Gandhi, khi trở về rất tâm đắc với sách lược phản kháng ôn hoà đã được Gandhi áp dụng để chống lại thực dân Anh.

Tất cả những mối liên hệ này – từ những quy định của thực dân, đến tẩy chay, hý họa, kết hôn dị chủng, thể thao và phong trào chống thực dân quốc tế – vạch ra những nguồn tư liệu và cơ hội nghiên cứu phong phú để tìm hiểu về nội tình các cộng đồng bản xứ bên trong và bên ngoài các thuộc địa. Có thể các mối liên hệ và nguồn tư liệu tương tự cũng có thể tìm thấy ở các khu vực khác của châu Á thuộc địa, ví dụ như Indonesia/Ấn Độ thuộc Hà Lan và các cựu thuộc địa của đế chế Anh: Miến Điện, Malaysia, Singapore và Ấn Độ.

Những mối liên hệ này gợi mở rằng, có lẽ đã đến lúc phải vượt qua lối nhìn lưỡng phân, đặt "thực dân" đối đầu với "người bị cai trị/thuộc địa" trong các nghiên cứu về thời kỳ thực dân và hậu thuộc địa. Hình thành một tuyến đồ phân tích theo chiều cắt ngang giữa các thuộc địa và theo chiều dọc giữa bên "thực dân" và bên "thuộc địa" sẽ là một khả năng mang lại nhiều điều thú vị. Và tôi thiết nghĩ cần phải luôn xét đến phía thực dân trong các nghiên cứu để thấy người Pháp, Hà Lan hay Anh – kể cả tầng lớp thượng lưu và dân nghèo – có thể, và trên thực tế đã bất ngờ liên minh với những người bản xứ, tùy theo vấn đề lợi ích, cũng như không, thời gian liên quan. Làm được như vậy, bức tranh lịch sử thuộc địa Đông Nam Á sẽ không chỉ đơn thuần là một trang sử chỉ có đối đầu và đấu tranh, hoặc chỉ thiên kiến theo quan điểm phương Tây, mà sẽ là một "lịch sử được kết nối" – nói theo thuật ngữ mà Sanjay Subrahmanyam và Christopher Bayly đã dùng trong các nghiên cứu về các khu vực và thời kỳ khác. Tuy nhiên, để "thấy" được sự phức tạp của Đông Nam Á thuộc địa, chúng ta cần tái cấu trúc các tiếp cận các mối quan hệ trong thời kỳ thực dân. Tôi mới chỉ đơn thuần đề xuất một số phương cách mới để tiếp cận những vấn đề cũ mà thôi.

Nguồn: Bài viết này do tác giả gửi cho talawas, tóm tắt lại nội dung chính của tiểu luận nghiên cứu, "Widening the Colonial Encounter: AsianConnections Inside French Indochina During the Interwar Period," đăng trên *Modern Asian Studies*, Vol., No. 05, September 2009.